TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng; Bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 784/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị P, sinh năm 1989 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số X đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số Y đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị P trình bày:

Bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/01/2016.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu nhau

dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Dương Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Dương Thị P được ly hôn với ông Đặng Minh T.

Về con chung: Bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T có 02 con chung là cháu Đặng Minh T1, sinh ngày 07/5/2016 và cháu Đặng Khôi N, sinh ngày 17/02/2019. Bà Dương Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung là cháu Đặng Minh T1 và cháu Đặng Khôi N cho bà Dương Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Minh T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đặng Minh T vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Dương Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Minh T và giải quyết nuôi con, đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; bị đơn ông Đặng Minh T cư trú tại số Y đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/01/2016. Trong thời gian chung sống với nhau bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Dương Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ

hôn nhân giữa bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Dương Thị P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Dương Thị P và ông Đặng Minh T có 02 con chung là cháu Đặng Minh T1, sinh ngày 07/5/2016 và cháu Đặng Khôi N, sinh ngày 17/02/2019. Hiện cháu Đặng Minh T1 và cháu Đặng Khôi N đang do bà Dương Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc và bà Dương Thị P có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc 02 con chung. Do đó để đảm bảo cho lợi ích phát triển ổn định của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Đặng Minh T1 và cháu Đặng Khôi N cho bà Dương Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Ông Đặng Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Dương Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Đặng Minh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị P được ly hôn với ông Đặng Minh T.

Về con chung: Giao cháu Đặng Minh T1, sinh ngày 07/5/2016 và cháu Đặng Khôi N, sinh ngày 17/02/2019 cho bà Dương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Đặng Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Dương Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021288 ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My